



RESULTS

Rank	Back No.	Name	NOC	Elimination	6's	5's	Score		
1	001E	邱意晴	TYC	180 /1	11	14	180		
2	002E	譚雅婷	NTH	176 /2	11	10	176		
3	004E	風佑築	NTPC	176 /3	9	15	176		
4	003F	王方辰	TNC	172 /4	10	10	172		
5	002G	郭紫穎	HCC	170 /5	7	15	170		
6	003E	李采璇	TCC	169 /6	5	19	169		
7	004H	陳冠岑	CHH	167 /7	10	10	167		
8	001F	方婉婷	CIH	166 /8	8	12	166	SO	T.5
9	001G	林嘉妤	HCC	166 /9	9	10	166	SO	T.4
10	003G	陳玟馨	HLH	164 /10	7	10	164		
11	004F	李彩綺	TYC	160 /11	6	7	160		
12	001H	彭夢欣	HLH	158 /12	6	9	158		
13	002F	謝佩涓	TPC	158 /13	3	13	158		
14	003H	劉佳耘	HCH	157 /14	7	7	157		
15	004G	詹紫媚	TPC	154 /15	2	10	154		
16	002H	蘇奕云	HCH	129 /16	5	6	129		



RESULTS

Rank	Back No.	Name	NOC	Elimination	6's	5's	Score
1	005B	風佑築	NTPC	120 / 1	9	7	120
2	006D	方婉婷	CIH	118 / 2	6	11	118
3	005A	邱意晴	TYC	118 / 3	3	16	118
4	006B	王方辰	TNC	117 / 4	8	7	117
5	005C	郭紫穎	HCC	112 / 5	5	8	112
6	006C	李采璇	TCC	111 / 6	4	8	111
7	006A	譚雅婷	NTH	109 / 7	5	7	109
8	005D	陳冠岑	CHH	98 / 8	1	4	98